

Mạch KT, KN	Số câu, số điểm; TTNL	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số và phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia các số trong phạm vi 10000.	Số câu	2		2	2		1	4	3
	Số điểm	1 (mỗi câu 0,5 điểm)		1 (mỗi câu 0,5 điểm)	2 (mỗi câu 1 điểm)		1 điểm	2	3
	Câu số	1,2		3,5	8,9		12	4	3
	TTNL	TDTH, GQVĐ		TDTH, GQVĐ	TDTH, GQVĐ		TDTH, GQVĐ		
Giải bài toán bằng hai phép tính	Số câu				1				1
	Số điểm				2,5				2,5
	Câu số				11				
	TTNL				TDTH, GQVĐ				
Đại lượng và đo các đại lượng: Các đơn vị đo độ dài, đo thể tích, xem đồng hồ.	Số câu	1			1			1	1
	Số điểm	0,5			1			0,5	1
	Câu số	6			10				
	TTNL	TDTH, GQVĐ, MHH			TDTH, GQVĐ				
Hình học: hình vuông, hình chữ nhật.	Số câu	1		1				2	0
	Số điểm	0,5		0,5				1	0
	Câu số	4		7					
	TTNL	TDTH, GQVĐ MHH		TDTH, GQVĐ MHH					
Tổng	Số câu	4		3	4		1	7	5
	Số điểm	2		1,5	5,5		1	3,5	6,5

Chi chú: Các chữ được viết tắt trong ma trận đề:

- Thành tố năng lực: Kí hiệu là **TTNL**
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Kí hiệu là **TDTH**
- Năng lực giải quyết vấn đề: Kí hiệu là **GQVĐ**

- Năng lực giao tiếp toán học: Kí hiệu là **GTTH**
- Mô hình hóa Toán học: **MHH**.

PHÒNG GD&ĐT.....
TRƯỜNG TH.....

PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GHKII
MÔN TOÁN – LỚP 3

Năm học: 2022 – 2023

Thời gian: 40 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên học sinh:; Lớp:

Họ, tên GV coi thi (Ký, ghi rõ họ tên)	Họ, tên GV chấm thi (Ký, ghi rõ họ tên)
1.	1.
2.	2.
Điểm:	
Nhận xét bài thi:	

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1. Số gồm 6 nghìn, 3 trăm, 7 chục và 5 đơn vị viết là:

- A. 6375 B. 6573 C. 6753 D. 6735

Câu 2. Số liền sau số 4560 là:

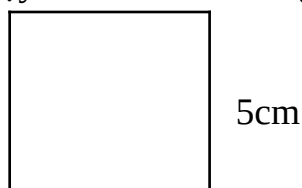
- A. 4558 B. 4559 C. 4561 D. 4562

Câu 3. Làm tròn số 7841 đến hàng chục ta được:

- A. 7850 B. 7840 C. 7700 D. 7800

Câu 4. Một hình vuông có cạnh là 5cm. Vậy chu vi hình vuông đó là:

- A. 10cm C. 20cm
B. 15cm D. 25cm



Câu 5: Trong các số 8745; 6057; 7219; 6103, số lớn nhất là

- A. 8745 B. 6057 C. 7219 D. 6103

Câu 6: Đồng hồ sau chỉ mấy giờ ?

- A. 12 giờ C. 2 giờ
B. 1 giờ D. 3 giờ



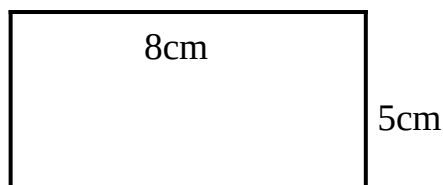
Câu 7. Tính diện tích hình chữ nhật biết chiều dài 8cm, chiều rộng 5cm:

A. 26cm

B. 26cm^2

C. 40cm

D. 40cm^2



Phần 2. Tự luận

Câu 8. Đặt tính rồi tính

a) 1051×6

b) $5620 : 4$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Tính giá trị biểu thức

a) $6190 - 1405 : 5$

b) $(1606 + 705) \times 3$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 10. Điền ($>$, $<$, $=$) ?

a) $200\text{ml} + 700\text{ml} \dots 800\text{ml}$

b) $100\text{cm} + 2\text{cm} \dots 102\text{cm}$

Câu 11. Gia đình Hồng nuôi được 600 con gà. Mẹ Hồng mới mua thêm số gà gấp 3 lần số gà gia đình Hồng có. Hỏi hiện tại gia đình Hồng có bao nhiêu con gà ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 12. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$38 + 42 + 46 + 50 + 54 + 58 + 62$

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp án

Phần 1. Trắc nghiệm (3,5 điểm – mỗi câu 0,5điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
A	C	B	C	A	D	D

Phần 2. Tự luận (6,5 điểm)

Câu 8. Đặt tính rồi tính (1,0 điểm)

a) $1051 \times 6 = 6306$

b, $5620 : 4 = 1405$

Câu 9. Tính giá trị biểu thức (1,0 điểm)

a) $6190 - 1405 : 5 = 6190 - 281$
 $= 5909$

b, $(1606 + 705) \times 3 = 2311 \times 3$
 $= 6933$

Câu 10. Điền (>,<,) (1,0 điểm)

a) $200 \text{ ml} + 700 \text{ ml} > 800 \text{ ml}$

b) $100 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = 102 \text{ cm}$

Câu 11. Bài giải (2,5 điểm)

Số gà GD Hồng mua thêm là:

$$600 \times 3 = 1800(\text{con})$$

Hiện tại GD Hồng có số gà là

$$600 + 1800 = 2400 (\text{con})$$

Đáp số: 2400 con gà.

Câu 12. Tính bằng cách thuận tiện (1,0 điểm).

$$38 + 42 + 46 + 50 + 54 + 58 + 62$$

$$= (38 + 62) + (42 + 58) + (46 + 54) + 50$$

$$= 100 + 100 + 100 + 50$$

$$= 350$$